

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ LONG MỸ  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 31 - 5 - 2017  
V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN DÂN NHÂN THỊ XÃ LONG MỸ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Lãm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Bạch Minh.
2. Ông Trần Minh Tuốc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa:***  
Bà Nguyễn Thị Lượng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2017 vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐXX-ST ngày 19 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bé H, có mặt.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã B, thị xã M, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ tạm trú: Khu vực A, phường A, thị xã M, tỉnh Hậu Giang .

*2. Bị đơn:* Anh Trương Minh P, có mặt.

Địa chỉ cư trú: Khóm X, phường M, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ tạm trú: Khu vực A, phường A, thị xã M, tỉnh Hậu Giang .

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 10/4/2017, quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé H trình bày: Vào năm 2014 sau thời gian tìm

hiều chị và anh Trương Minh P có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới thì chị và anh P chung sống tại nhà cha mẹ ruột chị tại ấp T, xã B, huyện M (nay là ấp T, xã B, thị xã M) tỉnh Hậu Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, anh P không quan tâm, chăm sóc cho chị. Chị và anh P đã nhiều lần tự hòa giải, hàn gắn lại nhưng không có kết quả. Chị và anh P đã ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và không thể kéo dài nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị H và anh P có một con chung cháu tên Nguyễn Phương N (nữ), sinh ngày 08/6/2015, hiện nay cháu N do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ngày 12/5/2017, quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Trương Minh P trình bày: Thông nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Bé H về thời gian kết hôn, và việc không có đăng ký kết hôn là đúng. Sau ngày cưới anh và chị H chung sống tại nhà cha mẹ ruột chị H tại ấp T, xã B, huyện M (nay là ấp T, xã B, thị xã M) tỉnh Hậu Giang. Anh chị chung sống đến tháng 01/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không tôn trọng anh, chị H không lo lắng cho gia đình, thường xuyên cự cãi. Anh chị đã nhiều lần hàn gắn cuộc sống gia đình nhưng không có kết quả. Đến tháng 01/2017 thì anh và chị H đã ly thân. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có một con chung tên Nguyễn Phương N (nữ), sinh ngày 08/6/2015, con chung hiện nay do chị H nuôi dưỡng, khi ly hôn anh đồng ý giao cháu N cho chị H nuôi dưỡng anh chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của

những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử và hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71,72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận chị Nguyễn Thị Bé H và anh Trương Minh P là vợ chồng.

Về con chung tiếp tục giao cháu Nguyễn Phương N (nữ), sinh ngày 08/6/2015 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh P chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh P được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị án phí mà đương sự phải chịu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục: Anh Trương Minh P đăng ký thường trú tại khóm X, phường M, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu nhưng đang tạm trú tại khu vực A, phường A, thị xã M, tỉnh Hậu Giang có xác nhận ngày 23/3/2017 của Công an phường A, thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Ngày 10/4/2017 anh Trương Minh P và chị Nguyễn Thị Bé H có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ giải quyết vụ kiện tranh chấp ly hôn nên yêu cầu ly hôn của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị Bé H và anh Trương Minh P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này”. Chị H và anh P có đủ điều kiện kết hôn

theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn nên chị H và anh P không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị H và anh P có một con chung tên Nguyễn Phương N, sinh ngày 08/6/2015, hiện nay con chung do chị H nuôi dưỡng, khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh P cấp dưỡng. Tại phiên tòa anh P đồng ý tiếp tục giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Phương N, sinh ngày 08/6/2015 cho chị H nuôi dưỡng, anh P chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, 28, 35, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Không công nhận chị Nguyễn Thị Bé H và anh Trương Minh P là vợ chồng.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trương Minh P. Giao cháu Nguyễn Phương N (nữ), sinh ngày 08/6/2015 cho chị Nguyễn Thị Bé H tiếp tục nuôi dưỡng, anh Trương Minh P chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

không xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được chuyển 300.000đ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012027 ngày 04/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ thành án phí sơ thẩm, chị H đã nộp xong.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (31/5/2017).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**  
**Trần Văn Lãm**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục TAHDS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.